

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:30/2024/HNGĐ-ST

Ngày 13.8.2024

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Hậu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng và ông Trần Minh Thân

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Phan Đình Vui - Cán bộ Toà án nhân dân quận Thanh Khê.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân quận Thanh Khê mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 220/2024/TLST-HNGĐ ngày 12.6.2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 220/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29.7.2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Vũ Tiến Q**, sinh năm 1966, địa chỉ: **C Đ, phường H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.**

- *Bị đơn:* Bà **Đào Thu H**, sinh năm 1962, địa chỉ: **K L, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, quá trình xét xử nguyên đơn ông **Vũ Tiến Q** trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tôi và bà **Đào Thu H** đăng ký kết hôn ngày 21/9/1994 tại **UBND phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng**. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống không hoà hợp, không cùng quan điểm sống nên không có hạnh phúc. Hai vợ chồng không còn tình cảm gì nên yêu cầu giải quyết cho ông được ly hôn với bà **Đào Thu H**.

- *Về con chung:* Có 01 con chung tên **Vũ Đào Thành C**, sinh ngày 25/04/1996. Hiện con đã trưởng thành nên không đề cập.

- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Nợ chung:* Không có.

*** Bị đơn bà **Đào Thu H** trình bày:** Tôi xác nhận lời trình bày của ông **Vũ Tiến Q** về quá trình kết hôn là đúng. Trong quá trình chung sống bản thân tôi luôn chu toàn trong gia đình, nay chồng tôi không còn tình cảm gì với tôi nữa thì tôi đồng ý ly hôn nhưng đề nghị ông **Q** phải làm thủ tục bàn giao tài sản chung là nhà và đất tại **Tổ A, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng** cho tôi và con trai tôi **Vũ Đào Thành C**.

- *Về con chung:* Có 01 con chung tên **Vũ Đào Thành C**, sinh ngày 25/04/1996. Hiện con đã trưởng thành nên không đề cập.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

Nguyên đơn ông **Vũ Tiến Q** khởi kiện về “Tranh chấp ly hôn” đối với bị đơn là bà **Đào Thu H** có địa chỉ cư trú tại **K L, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*** Về nội dung:**

[1] Quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn đối với bà **Đào Thu H** của ông **Vũ Tiến Q** thì thấy: Ông **Vũ Tiến Q** và bà **Đào Thu H** đã tuân thủ đầy đủ các quy định về kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và kéo dài trầm trọng như trình bày của nguyên đơn là có căn cứ và bị đơn cũng thống nhất thuận tình ly hôn. Do vậy HĐXX nghĩ cần căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa ông **Vũ Tiến Q** với bà **Đào Thu H**.

[2] Quan hệ con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Có 01 con chung tên **Vũ Đào Thành C**, sinh ngày 25/04/1996. Hiện con đã trưởng thành nên không đề cập.

[3] Quan hệ tài sản chung: Theo đơn khởi kiện ly hôn, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có xác định vợ chồng có tài sản chung là nhà và đất tại **Tổ A, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng** nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập xử lý. Đối với bị đơn quá trình giải quyết vụ án bị đơn đề nghị nguyên đơn sang nhà và đất tại **Tổ A, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng** cho bà **H** và con nhưng không có đơn yêu cầu chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân nên HĐXX không có cơ sở để giải quyết, nếu sau này không thoả thuận giải quyết được thì có quyền khởi kiện chia tài sản chung sau ly hôn.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, nguyên đơn ông **Vũ Tiến Q** phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Căn cứ Điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của UBTV Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông **Vũ Tiến Q** với bà **Đào Thu H**.

2. Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên **Vũ Đào Thành C**, sinh ngày 25/04/1996. Hiện con đã trưởng thành nên không đề cập.

3. Quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Ông **Vũ Tiến Q** phải chịu án phí Hôn nhân gia đình 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001306 ngày 12/06/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê thành phố Đà Nẵng.

6. Về quyền kháng cáo: Ông **Vũ Tiến Q** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà **Đào Thu H** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- **Chi cục T**;
- Lưu Hồ sơ vụ án.
- **UBND phường A**.

Giấy CNKH số 37 ngày 07/3/2022

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Hậu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
- Người tham gia tố tụng; **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục T;
- Lưu Hồ sơ vụ án.
- UBND xã T,
Huyện N, tỉnh Quảng Nam.
Giấy CNKH số 12 ngày 01/5/1989

Trần Văn H1

Trần Văn Hậu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa